

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các
hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 13/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 13/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1585/TTr-SNNMT-PTNT ngày 21/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 – 2030, với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Một là, hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp phải phù hợp với quan điểm, mục tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; xây dựng các HTX nông nghiệp trở thành một trong những mô hình kinh tế nòng cốt ở khu vực nông thôn, hoạt động và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường; thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia; góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của thành viên, cộng đồng.

Hai là, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp nhằm tổ chức lại sản xuất, kinh doanh ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hiệu quả, bền vững phù hợp với định hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; xây dựng và phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, thu hút đầu tư, chia sẻ lợi ích - trách nhiệm giữa các bên liên kết.

Ba là, phát triển HTX nông nghiệp hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của HTX nông nghiệp; thực hiện đúng bản chất và nguyên tắc HTX, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển đổi tư duy từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”; thu hút ngày càng nhiều thành viên tham gia, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực, địa giới hành chính; thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh đa chức năng, đa dịch vụ, phục vụ lợi ích của thành viên và người dân; đa dạng về mô hình tổ chức, hoạt động, phù hợp với tính chất và điều kiện đặc thù vùng, miền, địa phương, trình độ phát triển và nhu cầu của thành viên; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển các HTX nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức; tăng cường liên kết giữa các HTX nông nghiệp.

Bốn là, tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước để phát triển HTX nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp bằng nhiều hình thức, phù hợp với quy định của pháp luật; sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước cho phát triển HTX nông nghiệp; ứng phó kịp thời với các rủi ro về thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Năm là, huy động sự tham gia của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương và các tổ chức, cá nhân khác trong tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo định hướng phát triển bền vững; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển HTX nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; mở rộng quy mô, thu hút nông dân, người sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tham gia, đến năm 2030 đưa HTX nông nghiệp trở thành mô hình kinh tế - xã hội quan trọng ở khu vực nông thôn; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; tăng thu nhập cho người nông dân; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo điều kiện, động lực thu hút đầu tư, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2026-2030 thành lập mới 80 HTX nông nghiệp; trong đó, có 22 HTX lĩnh vực trồng trọt (tập trung ở các xã đồng bằng); 05 HTX lĩnh vực chăn nuôi (tập trung ở khu vực trung du, miền núi thấp); 03 HTX lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (tập trung ở các xã ven biển); 25 HTX lĩnh vực lâm nghiệp (tập trung ở các xã miền núi cao); 25 HTX tổng hợp.

- Thu hút thêm số thành viên tham gia HTX: Giai đoạn 2026-2030 thu hút thêm khoảng trên 41.092 thành viên tham gia HTX (trong đó có hơn 40% là thành viên chính thức).

- Số HTX hoạt động có hiệu quả, thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: 777 HTX, chiếm 88,19% tổng số HTX (trong đó có trên 35% số HTX đạt loại tốt); cụ thể các lĩnh vực: liên kết trong trồng trọt là 341 HTX, liên kết trong chăn nuôi là 31 HTX, liên kết trong thủy sản là 11 HTX, liên kết trong lâm nghiệp là 22 HTX; liên kết trong muối là 2 HTX, liên kết tổng hợp là 370 HTX. Các khâu trong liên kết: Khép kín từ dịch vụ đầu vào đến bao tiêu sản phẩm là 699 HTX; cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào là 31 HTX; thu hoạch, bao tiêu sản phẩm là 35 HTX; bao tiêu, sơ chế, khâu tiêu thụ sản phẩm là 12 HTX.

- Trình độ của cán bộ quản lý HTX: Tổng số cán bộ quản lý HTX 5.286 người; trong đó, 100% cán bộ được qua đào tạo, tỷ lệ cán bộ quản lý HTX có trình độ đại học, cao đẳng trở lên là 2.910 người (đạt 55,05%).

- Tổng số lao động thường xuyên trong HTX đạt từ 44.050 người trở lên (bình quân 50 lao động/HTX). Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX đạt mức lương tối thiểu vùng.

- Doanh thu bình quân/HTX; lợi nhuận bình quân/HTX tăng ít nhất 5% so với năm liền kề.

- Số lượng HTX ứng dụng công nghệ cao: 353 HTX, chiếm 40,07% tổng số HTX; trong đó, số HTX ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi (chăn nuôi theo chu trình khép kín, tự động, bán tự động) là 31 HTX; số HTX ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản (nuôi thâm canh; tuần hoàn, khép kín) là 11 HTX; số HTX ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt (nhà màng, nhà lưới; tưới nhỏ giọt; tự động hoá trong chăm sóc, thu hoạch) là 311 HTX.

- Số lượng HTX gắn với sản phẩm OCOP: 172 HTX, chiếm 19,52% tổng số HTX; trong đó, có 25 HTX có sản phẩm OCOP 4 sao, 147 HTX có sản phẩm OCOP 3 sao (đối với các HTX có sản phẩm OCOP đã được công nhận: 10% số HTX có sản phẩm OCOP được nâng hạng từ 3 sao lên 4 sao; 90% các HTX duy trì được các sản phẩm OCOP 3 sao; giai đoạn 2026-2030 phát triển thêm 74 HTX có sản phẩm OCOP: 15 HTX có sản phẩm OCOP 4 sao, 59 HTX có sản phẩm OCOP 3 sao.

- Số lượng HTX nông nghiệp áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP): 278 HTX, chiếm 31,55 % tổng số HTX; trong đó, số HTX áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong chăn nuôi là 31 HTX (chăn nuôi lợn; gia cầm); số HTX áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong nuôi trồng thủy sản là 15 HTX (nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng); số HTX áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong trồng trọt là 232 HTX (áp dụng cho sản phẩm rau; lúa, ớt).

- Số HTX ứng dụng chuyển đổi số vào trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: 458 HTX, chiếm 52,0% tổng số HTX; trong đó, số HTX ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý tài chính, kế toán là 458/458 HTX; số HTX ứng dụng chuyển đổi số trong công tác sản xuất, điều hành sản xuất là 92/458 HTX; số HTX ứng dụng chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm là 229/458 HTX; số HTX ứng dụng chuyển đổi số trong tiêu thụ sản phẩm là 46/458 HTX.

- Xây dựng 132 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục 1a, Phụ lục 1b kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, học tập quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế hợp tác

Tiếp tục triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đổi mới, phát triển HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2023 đối với hệ thống cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và toàn xã hội nhằm thúc đẩy mạnh mẽ việc phát triển, nâng cao

hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trong thời gian tới với nội dung và phương thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng. Tiếp tục tuyên truyền đến các thành viên HTX và người dân về các quy định, chủ trương, chính sách pháp luật của Trung ương và tỉnh đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp; mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030, để nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên HTX, người dân và triển khai các chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Đề án đã đề ra. Cấp ủy đảng, chính quyền các xã, phường ban hành Kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án.

Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền cho phù hợp với từng đối tượng, dưới nhiều hình thức như: xây dựng chương trình, chuyên trang, chuyên mục về kinh tế hợp tác trên Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa; cung cấp thông tin, bài viết cho các cơ quan thông tấn, báo chí phục vụ cho công tác tuyên truyền; phát động phong trào thi đua, kịp thời khen thưởng, động viên các điển hình tiên tiến, cách làm hay, hiệu quả; đồng thời nhân rộng các mô hình, điển hình sáng tạo trong việc phát triển KTTT gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp đang hoạt động hiệu quả

Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của 645 HTX nông nghiệp đang hoạt động có hiệu quả trên các lĩnh vực: Trồng trọt 285 HTX; Chăn nuôi 18 HTX; Thủy sản 15 HTX; Diêm nghiệp 02 HTX (muối); Lâm nghiệp 15 HTX; Tổng hợp 310 HTX, cụ thể:

- Đổi mới quản lý trong các HTX nông nghiệp: Tập trung chuyển từ tư duy sản xuất đơn lẻ sang tư duy kinh tế thị trường, kinh doanh dịch vụ, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ; nâng cao tính dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính, quản lý, điều hành; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số vào sản xuất kinh doanh, nhất là quảng bá và bán sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử; sử dụng phần mềm quản lý, truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp 4.0, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và quản lý.

- Nâng cao năng lực cho bộ máy quản lý HTX: Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán HTX về kiến thức quản trị, marketing, quản lý tài chính, chính sách, pháp luật có liên quan để bắt kịp với xu hướng thị trường, công nghệ mới, ứng phó với những thách thức trong quá trình tổ chức sản xuất.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các HTX hoạt động theo mô hình dịch vụ tổng hợp, đa ngành, nghề, có nhiều dịch vụ; chú trọng tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ nông sản, gắn với xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp; phát huy vai trò đầu tàu của các HTX đang phát triển mạnh để hỗ

trợ các HTX khác cùng liên kết, hợp tác với doanh nghiệp và tiêu thụ nông sản có hiệu quả; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; lựa chọn cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao đưa vào sản xuất; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, công nghệ cao, sản xuất hữu cơ.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ, hướng đến sản xuất xanh, sản xuất tuần hoàn; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa.

- Quan tâm hỗ trợ xây dựng các mô hình sơ chế, đóng gói, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu hàng hoá để nâng cao giá trị sản phẩm, tạo thị trường đầu ra ổn định, định hướng cho các hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông sản; hỗ trợ xây dựng và phát triển các HTX nông nghiệp điển hình, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, gắn với xây dựng chuỗi giá trị và sản phẩm OCOP của địa phương, nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, tạo việc làm và tăng thu nhập cho thành viên.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp hoạt động trung bình và yếu

Thực hiện rà soát, đánh giá cụ thể những khó khăn, vướng mắc đối với 156 HTX đang hoạt động trung bình, yếu trên các lĩnh vực: Trồng trọt 84 HTX; Chăn nuôi 08 HTX; Thủy sản 04 HTX; Lâm nghiệp 11 HTX và Tổng hợp 49 HTX, đề ra các giải pháp cụ thể nhằm giúp các HTX nâng cao chất lượng hoạt động theo hướng:

- Đổi mới tư duy trong sản xuất, kinh doanh; chuyển từ lối tư duy “sản xuất theo mùa vụ, nhỏ lẻ” sang tư duy kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi phương thức hoạt động từ dịch vụ đầu vào sang mở rộng các dịch vụ cạnh tranh, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đưa giống mới có năng suất, chất lượng tốt vào sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn và kết nối với các doanh nghiệp. Đồng thời, rà soát lại, tinh giản bộ máy, xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của từng thành viên.

- Hỗ trợ các HTX tiếp cận thị trường: Cung cấp kiến thức, kỹ năng sản xuất an toàn, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật, giống, phân bón đầu vào cho sản xuất và hỗ trợ HTX tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm thông qua việc tìm kiếm thị trường, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, HTX lớn để bao tiêu sản phẩm.

- Hỗ trợ các HTX xây dựng chuỗi sản xuất bằng cách liên kết chặt chẽ HTX - Doanh nghiệp - Nông dân: Các doanh nghiệp cung cấp giống, kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm, chế biến sâu; các HTX tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn, dịch vụ đầu vào (thủy lợi, giống), kết nối nông dân; nông dân sản xuất theo quy trình,

hưởng lợi từ liên kết, tiếp cận kỹ thuật mới.

- Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị nhằm giúp các HTX trung bình và yếu khắc phục được hạn chế về vốn, công nghệ, thị trường; hỗ trợ HTX kết nối với doanh nghiệp để ổn định đầu ra, giảm thiểu rủi ro, nâng cao giá trị nông sản.

- Nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ Ban quản lý HTX cả trên phương diện quản lý lẫn chuyên môn thông qua việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản trị kinh doanh, kỹ năng lập kế hoạch chiến lược và quản lý tài chính minh bạch; có chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ trẻ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc tại HTX nhằm áp dụng khoa học công nghệ và tư duy kinh tế mới vào HTX.

4. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế nông thôn

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trọng tâm đẩy mạnh phát triển các mô hình nông nghiệp số, nông nghiệp sạch, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn theo chuỗi giá trị; tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế, sản phẩm đặc sản của tỉnh gắn với tích tụ, tập trung đất đai, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, bền vững.

Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để hỗ trợ thúc đẩy các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm thực hiện tốt chức năng làm “bà đỡ” cho phát triển sản xuất nông nghiệp, để phấn đấu đến năm 2030 có:

- 777 HTX (chiếm 88,19%) thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- 353 HTX (chiếm 40,07%) ứng dụng công nghệ cao.
- 172 HTX (chiếm 19,52%) gắn với sản phẩm OCOP.
- 278 HTX (chiếm 31,55%) áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP).
- 458 HTX (chiếm 52,0%) ứng dụng chuyển đổi số vào trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Để thực hiện hiệu quả mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế nông thôn và đạt được các chỉ tiêu trên, các HTX phải khẩn trương tập trung thực hiện:

(i) Đổi mới tổ chức sản xuất cho 777 HTX theo hướng phát triển hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác và người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

(ii) Quy hoạch và hình thành các vùng sản xuất tập trung, tích tụ đất đai, cho ít nhất 150 HTX góp phần từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

(iii) Mở rộng mô hình sản xuất, tiêu thụ nông sản áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP) cho 278 HTX.

(iv) Đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, hiệu quả, có chất lượng ổn định, đồng thời tăng cường các chương trình xúc tiến thương mại cho 172 HTX.

(v) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong các HTX; tiếp tục lựa chọn các giải pháp chuyển đổi số phù hợp để thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số cho 458 HTX nhằm chuyển đổi trong quản lý, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

5. Phát triển và tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp thành lập mới hoạt động có hiệu quả

- Giai đoạn 2026-2030, tập trung thành lập mới 80 HTX nông nghiệp và tạo điều kiện cho các HTX này hoạt động có hiệu quả; trên các lĩnh vực: Trồng trọt 22 HTX (tập trung ở các xã đồng bằng); Chăn nuôi 05 HTX (tập trung ở khu vực trung du, miền núi thấp); Thủy sản 03 HTX (tập trung ở các xã ven biển); Lâm nghiệp 25 HTX (tập trung ở các xã khu vực miền núi); Tổng hợp 25 HTX.

- Các xã, phường chọn các sản phẩm, ngành hàng chủ lực của địa phương để thúc đẩy thành lập các HTX nông nghiệp gắn với sản phẩm đặc trưng làng, xã; các HTX áp dụng sản xuất theo hướng công nghệ cao, mô hình sản xuất cây, con đặc sản... theo hướng tạo ra giá trị gia tăng cao trong sản xuất nhằm tổ chức lại sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm của địa phương. Ưu tiên các doanh nghiệp liên kết với HTX để tổ chức sản xuất, liên kết với nông dân để thành lập HTX nhằm tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp, đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức quản lý vào sản xuất.

- Lựa chọn các Tổ hợp tác đang hoạt động có hiệu quả để vận động nâng lên HTX hoạt động có hiệu quả; vận động những chủ trang trại có quy mô sản xuất tương đối lớn để tuyên truyền, vận động cùng nhau thành lập HTX. Đối với các sản phẩm sản xuất ở nhiều nông hộ thì tập trung vận động những người nông dân và người lao động sản xuất giỏi (có thể là các trưởng thôn, bản) có kinh nghiệm, uy tín đối với cộng đồng để đứng ra làm sáng lập viên thành lập HTX.

6. Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong HTX nông nghiệp. Tập trung xây dựng mô hình điển hình về HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh

- Lựa chọn các giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số phù hợp để thúc đẩy, hỗ trợ các HTX nông nghiệp nhằm ứng dụng trong quản lý, sản xuất, kinh doanh sản phẩm; cung cấp sản phẩm, dịch vụ.

- Triển khai sâu rộng phong trào trong HTX nông nghiệp áp dụng các tiến bộ về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào trong hoạt động của HTX bằng các nhiệm vụ, tiến bộ, đổi mới cụ thể để tạo ra các sản phẩm, hiệu quả cụ thể.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện để có nhiều HTX nông nghiệp đủ điều kiện thực hiện và được hưởng cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng 132 mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững và nhân rộng trên địa bàn tỉnh thông qua việc hỗ trợ máy móc, thiết bị để cơ giới hoá đồng bộ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Trong đó, xây dựng 65 mô hình trong lĩnh vực trồng trọt với sản phẩm chính là lúa, rau màu, mía; 10 mô hình cơ giới hoá trong lĩnh vực lâm nghiệp; 42 mô hình tổng hợp; 10 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi (nuôi gia cầm) và 05 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong thủy sản (với con nuôi chủ yếu là tôm, cua).

7. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các xã, phường tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp được giao tại Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 13/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ; Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 13/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

8. Giải pháp về cơ chế, chính sách đối với HTX nông nghiệp

8.1. Tiêu chí thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước

Các HTX nông nghiệp được xem xét thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

8.2. Các cơ chế, chính sách của Trung ương

(1) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực theo Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(2) Hỗ trợ thông tin:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ thông tin theo Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(3) Hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn theo Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(4) Hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả theo Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(5) Đất đai:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách Đất đai theo Điều 21 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

(6) Thuế, phí và lệ phí:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách Thuế, phí và lệ phí theo Điều 22 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

(7) Tiếp cận vốn, bảo hiểm:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm theo Điều 23 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

(8) Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Điều 11 Nghị định số

113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(9) Hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường theo Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(10) Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường theo Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(11) Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước:

Các HTX nông nghiệp được chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước theo Điều 14 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(12) Hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro theo Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(13) Hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm theo điểm a, khoản 1 Điều 28 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

(14) Hỗ trợ vốn, giống, trang thiết bị ứng dụng khoa học và công nghệ:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ vốn, giống, trang thiết bị ứng dụng khoa học và công nghệ theo điểm a, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

(15) Hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu:

Các HTX nông nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu theo điểm b, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ.

8.3. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh

Xây dựng và nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Dự kiến kinh phí thực hiện Đề án: 570.082,4 triệu đồng (Năm trăm bảy mươi tỷ, không trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Trong đó:	- Ngân sách nhà nước:	503.257,4 triệu đồng:
	+ Ngân sách Trung ương:	394.357,4 triệu đồng;
	+ Ngân sách tỉnh:	108.900 triệu đồng.
	- HTX đối ứng:	66.825 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2a, Phụ lục 2b kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức kinh phí cụ thể thực hiện các chính sách hỗ trợ các HTX nông nghiệp theo đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong tỉnh triển khai đề án; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đề án, định kỳ sơ kết hằng năm, tổng kết việc thực hiện đề án báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đề xuất các kiến nghị tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện đề án giai đoạn 2026 - 2030.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch và kinh phí hỗ trợ các địa phương thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn các Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan lựa chọn các HTX nông nghiệp để chỉ đạo xây dựng mô hình và nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các xã, phường lựa chọn các HTX nông nghiệp để hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị và kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, thành viên và người lao động đang làm việc trong HTX; tổ chức các Đoàn học tập kinh nghiệm, khảo sát các mô hình HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả trong và ngoài tỉnh.

- Hướng dẫn các xã, phường, các HTX nông nghiệp trong việc thực hiện chính sách đất đai đối với các HTX nông nghiệp.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ vào đối tượng, tiêu chí, định mức theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Đề án theo quy định và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

- Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Đề án đã được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan thẩm định dự toán chi tiết kinh phí thực hiện hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Đồng thời, hướng dẫn các HTX nông nghiệp thực hiện đúng các quy định về tài chính, kế toán.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chuyển giao công trình, kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước cho HTX quản lý, sử dụng.

- Chủ trì triển khai Luật HTX năm 2023 (ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; tổ chức các lớp tập huấn ...).

- Đôn đốc, hướng dẫn các xã, phường xử lý giải thể dứt điểm các HTX nông nghiệp ngừng hoạt động, chờ giải thể theo quy định của pháp luật.

3. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản và sản phẩm chế biến sau thu hoạch; đồng thời hỗ trợ các HTX nông nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại được tổ chức trong và ngoài tỉnh nhằm giúp các HTX nông nghiệp kết nối khách hàng, tìm kiếm đối tác để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các HTX nông nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm, bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp. Hàng năm, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; tư vấn, hướng dẫn các HTX đăng ký chất lượng sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm nông sản. Triển khai có hiệu quả chính sách ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với các HTX nông nghiệp. Phối hợp đẩy mạnh ứng dụng CNTT, hướng dẫn, thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của HTX nông nghiệp.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp các địa phương gắn các HTX nông nghiệp vào các chương trình tham quan du lịch của tỉnh để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm thông qua hoạt động du lịch; đồng thời, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương phát triển các HTX nông nghiệp sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị kinh tế, văn hóa, lợi thế của địa phương gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân trên địa bàn tỉnh về mục đích, ý nghĩa và các nội dung nhiệm vụ của Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung về hỗ trợ hợp tác xã đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

7. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh HTX tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tổ chức khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Tư pháp

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết đặc thù hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong tham mưu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

9. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 7

Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai thực hiện các chính sách tín dụng đối với HTX, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp tiếp cận nguồn vốn, mở rộng sản xuất. Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, đảm bảo an toàn, lành mạnh.

10. Liên minh HTX tỉnh

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý và thành viên HTX theo chương trình khung của Liên minh HTX Việt Nam; đào tạo nguồn nhân lực lâu dài cho HTX; hỗ trợ các HTX tham gia hội chợ xúc tiến thương mại hàng năm do Liên minh HTX Việt Nam tổ chức; tư vấn thành lập mới và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả cho các HTX. Chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với HTX nông nghiệp, giai đoạn 2026 -

2030; chủ động giải ngân nguồn vốn tín dụng cho các HTX từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh.

- Huy động các nguồn lực và kinh phí để đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ HTX, như: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản trị HTX, chuyển giao công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị trong sản xuất, chế biến cho các HTX; xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

11. Các tổ chức chính trị, xã hội

Đề nghị phối hợp tham gia có hiệu quả vào quá trình phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương tuyên truyền nội dung đề án, phản biện xã hội về các chính sách của đề án; tham gia tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTX, xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả; tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

a) Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan xây dựng Đề án do phụ nữ làm chủ, tham gia quản lý, điều hành, tạo nhiều việc làm cho lao động nữ, giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch vận động hội viên tham gia thành viên HTX nông nghiệp tại các xã, phường. Đồng thời, xây dựng kế hoạch để hội viên Hội Phụ nữ cấp xã tham gia triển khai các dịch vụ nâng cao chất lượng đời sống của thành viên HTX.

b) Tỉnh đoàn

- Tuyên truyền, giáo dục, định hướng cho thanh niên về chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước đối với kinh tế tập thể; mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đồng hành, hỗ trợ khởi nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể (HTX nông nghiệp) hiệu quả; kết nối nguồn lực (vốn, khoa học công nghệ) và đào tạo kỹ năng; làm cầu nối giữa thanh niên với cấp uỷ, chính quyền để tạo môi trường thuận lợi, giúp thanh niên phát triển kinh tế, lập nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

c) Hội Nông dân tỉnh

Phối hợp hỗ trợ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển KTTT, HTX nông nghiệp trong hội viên nông dân. Phát huy vai trò của lực lượng trí thức trẻ, cán bộ khoa học - kỹ thuật trẻ được đào tạo, nhiệt huyết tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; vận động nông dân tham gia

thành viên HTX.

12. UBND các xã, phường

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền đến các thành viên HTX và nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế tập thể; mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, để nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên HTX, người dân và triển khai các chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Đề án đã đề ra.

- Tổ chức triển khai cụ thể các nội dung của Đề án tới từng HTX trên địa bàn quản lý. Triển khai các chương trình, dự án phát triển HTX. Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động tham gia thành lập, củng cố và phát triển HTX nông nghiệp; khuyến khích thành viên của các tổ chức tham gia HTX.

- Trên cơ sở các nội dung của Đề án, khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn. Chủ trì, thẩm tra, thẩm định và đề xuất các HTX tham gia thực hiện các cơ chế, chính sách theo Đề án; hàng năm lập dự toán đề xuất nội dung và kinh phí thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng các HTX nông nghiệp; tập trung giải thể dứt điểm các HTX nông nghiệp đã dừng hoạt động; xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn, giai đoạn 2026-2030. Đồng thời, chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp đặc thù của địa phương.

- Chủ động kêu gọi xúc tiến đầu tư, nhất là kêu gọi xúc tiến các doanh nghiệp liên kết với HTX để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; lồng ghép các cơ chế, chính sách để thu hút doanh nghiệp liên kết với HTX.

- Hướng dẫn và chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của Luật HTX năm 2023 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp tự chủ trong việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, đảm bảo cân đối thu - chi.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý các tồn tại liên quan đến hoạt động của HTX: Thực hiện việc thống kê đúng, đủ, kịp thời các chỉ tiêu về phát triển kinh tế tập thể, HTX, đánh giá và phân loại đúng thực trạng hoạt động của HTX; định kỳ sơ kết hằng năm, tổng kết việc thực hiện đề án báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

13. Các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; thường xuyên cập nhật, dành thời lượng

thỏa đáng để đưa tin về các mô hình tốt, các điển hình tiên tiến, để kịp thời động viên, khuyến khích học tập các mô hình, các điển hình trong phát triển HTX nông nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

Phụ lục 1a: Chỉ tiêu phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, giai đoạn 2026 – 2030

	Xã	Số lượng HTX đang HĐ năm 2025	HTX thành lập mới					HTX hoạt động có hiệu quả					HTX thực hiện liên kết sản xuất					HTX ứng dụng công nghệ cao					Số HTX gắn với sản phẩm OCOP				
			2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
1	Xã Hoàng Sơn	5	1					5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2
2	Xã Hoàng Hóa	15						14	14	14	15	15	14	14	14	15	15	6	7	7	7	7	2	2	2	2	2
3	Xã Hoàng Lộc	8		1				7	7	7	8	8	7	7	7	8	8	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
4	Xã Hoàng Giang	7		1				6	6	6	6	7	6	6	6	6	7	3	3	3	3	4					
5	Xã Hoàng Phú	5	1					5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	2	2	2	2	2					
6	Xã Hoàng Châu	10						9	9	9	10	10	9	9	9	10	10	5	6	6	6	6	2	2	2	2	2
7	Xã Hoàng Tiến	5	1					5	5	6	6	6	5	5	6	6	6	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8	Xã Hoàng Thanh	4			1			4	4	4	5	5	4	4	4	5	5	3	3	3	3	3					
9	Xã Cẩm Thủy	4				1		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2
10	Xã Cẩm Thạch	5			1			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2
11	Xã Cẩm Tú	5					1	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2
12	Xã Cẩm Vân	6						6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	1	1	1	1	1	2	2	2	3	3
13	Xã Cẩm Tân	3		1				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
14	Xã Quý Lộc	5	1					5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2
15	Xã Yên Định	8	1					8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
16	Xã Yên Trường	8						8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2
17	Xã Yên Phú	5	1					5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	1	1	1	1	2					
18	Xã Yên Ninh	7						5	5	5	5	7	5	5	5	5	7	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
19	Xã Định Tân	6						5	5	5	5	6	5	5	5	5	6	3	3	3	3	4					
20	Xã Định Hoà	6						5	5	5	5	6	5	5	5	5	6	3	3	3	3	4	2	2	2	2	3
21	Xã Giao An	3			1			1	1	1	1	2	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1					

[illegible]

	Xã	Số lượng HTX đang HĐ năm 2025	HTX thành lập mới					HTX hoạt động có hiệu quả					HTX thực hiện liên kết sản xuất					HTX ứng dụng công nghệ cao					Số HTX gắn với sản phẩm OCOP				
			2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
45	Xã Mậu Lâm	4		1				3	3	4	4	4	3	3	4	4	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
46	Xã Yên Thọ	6						5	5	5	5	6	5	5	5	5	6	3	3	3	4	4					
47	Xã Các Sơn	1					1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1										
48	Phường Trúc Lâm	3						3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	1	1	1	1					
49	Phường Nghi Sơn	0						0					0														
50	P. Đào Duy Từ	2						1	1	1	1	1	1	1	1	1	1										
51	Xã Trường Lâm	2						2	2	2	2	2	2	2	2	2	2										
52	Phường Hải Bình	1	1					1	1	1	1	1	1	1	1	1	1										
53	Phường Ngọc Sơn	2									1	1				1	1	1	1	1	1	1					
54	Phường Tân Dân	2						2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1					
55	Phường Hải Lĩnh	2																1	1	1	1	1					
56	Phường Tĩnh Gia	8						8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	4	4	4	4	4					
57	Xã Nông Cống	13						12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	6	6	6	6	6	1	1	1	1	2
58	Xã Tượng Lĩnh	3		1				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	1	1	1	1	2	2	2	3	3
59	Xã Công Chính	3						3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	1	1	1	1					
60	Xã Trung Chính	7						6	6	6	6	7	6	6	6	6	7	4	4	4	4	4					
61	Xã Thăng Bình	3		1				3	3	3	4	4	3	3	3	4	4	1	1	2	2	3	1	1	1	1	2
62	Xã Thắng Lợi	6						6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	3	3	3	3	3					
63	Xã Trường Văn	6						6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	3	3	3	3	3					
64	P. Nguyệt Viên	1					1	0					0														
65	P. Hạc Thành	0						0					0														
66	P. Quảng Phú	3						2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2					
67	P. Đông Tiến	10						9	9	9	10	10	9	9	9	10	10	5	6	6	7	7					

	Xã	Số lượng HTX đang HĐ năm 2025	HTX thành lập mới					HTX hoạt động có hiệu quả					HTX thực hiện liên kết sản xuất					HTX ứng dụng công nghệ cao					Số HTX gắn với sản phẩm OCOP				
			2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
68	P. Hàm Rồng	5						3	3	4	4	5	3	3	4	4	5	1	2	2	2	3					
69	P.Đông Quang	12						11	11	11	12	12	11	11	11	12	12	5	7	8	8	8					
70	Phường Đông Sơn	14						12	12	13	14	14	12	12	13	14	14	6	8	8	8	8					
71	Xã Thiệu Hóa	10			1			9	9	9	10	10	9	9	9	10	10	6	7	7	8	9	2	2	2	3	3
72	Xã Thiệu Quang	5						4	4	4	4	5	4	4	4	4	5	2	2	3	3	3					
73	Xã Thiệu Tiến	5		1				4	4	4	5	5	4	4	4	5	5	2	2	3	4	5	1	1	1	1	2
74	Xã Thiệu Toán	8						7	7	7	8	8	7	7	7	8	8	4	4	5	6	6					
75	Xã Thiệu Trung	6						5	5	5	5	6	5	5	5	5	6	3	4	4	4	4					
76	Xã Thọ Bình	4	1					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3	3	4	4	4
77	Xã Triệu Sơn	9						7	7	7	8	8	7	7	7	8	8	4	4	4	5	5					
78	Xã Thọ Ngọc	9						8	8	8	9	9	8	8	8	9	9	4	4	4	5	5	1	1	1	1	2
79	Xã Thọ Phú	7		1				7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2
80	Xã Hợp Tiến	8						7	7	7	8	8	7	7	7	8	8	3	3	3	3	4					
81	Xã An Nông	5						4	4	4	5	5	4	4	4	5	5	1	1	1	2	2					
82	Xã Tân Ninh	5						5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	2	2	2	3	3					
83	Xã Đồng Tiến	6						6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	4	4	4	5	5					
84	Xã Ngọc Lặc	4	1					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
85	Xã Thạch Lập	5				1		3	3	3	4	5	3	3	3	4	5	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2
86	Xã Ngọc Liên	7						5	5	6	6	7	5	5	6	6	7	2	2	2	2	2					
87	Xã Minh Sơn	7						6	6	6	6	7	6	6	6	6	7	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2
88	Xã Nguyệt Ân	4						3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2					
89	Xã Kiên Thọ	8		1				6	6	6	7	8	6	6	6	7	8	4	4	4	5	5	1	1	1	1	2
90	Xã Hà Trung	4				1		2	3	3	3	4	2	3	3	3	4	1	1	1	1	1					

	Xã	Số lượng HTX đang HĐ năm 2025	HTX thành lập mới					HTX hoạt động có hiệu quả					HTX thực hiện liên kết sản xuất					HTX ứng dụng công nghệ cao					Số HTX gắn với sản phẩm OCOP				
			2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
91	Xã Hà Long	4						4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3
92	Xã Linh Toại	5						3	4	4	4	5	3	4	4	4	5	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2
93	Xã Hoạt Giang	5						3	3	3	3	4	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2
94	Xã Tổng Sơn	8						7	7	7	8	8	7	7	7	8	8	3	3	3	3	4					
95	Xã Vĩnh Lộc	8		1				7	7	7	8	8	7	7	7	8	8	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2
96	Xã Tây Đô	6				1		6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	3	3	3	3	4	3	3	4	4	5
97	Xã Biện Thượng	7						7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	3	3	3	3	4	2	2	2	3	3
98	Xã Thanh Quân	3					1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
99	Xã Thượng Ninh	8						6	6	6	7	7	6	6	6	7	7	2	2	2	2	2	4	8	9	10	12
100	Xã Hóa Quý	12						11	11	11	12	12	11	11	11	12	12	6	7	7	8	8	3	3	4	4	5
101	Xã Xuân Bình	12			1			11	11	11	12	12	11	11	11	12	12	5	6	6	6	6					
102	Xã Thanh Phong	5				1		3	3	3	3	4	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2					
103	Xã Như Xuân	12						11	11	11	12	12	11	11	11	12	12	6	7	7	7	7					
104	Phường Bim Sơn	6						3	3	3	3	4	3	3	3	3	4	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2
105	P. Quang Trung	2						1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1					
106	Phường Sầm Sơn	1						1	1	1	1	1	1	1	1	1	1										
107	P. Nam Sầm Sơn	2						1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1					
108	Xã Điền Quang	4			1			3	3	3	3	4	3	3	3	3	4	1	1	1	1	1					
109	Xã Bá Thước	5						3	3	3	3	4	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2	1	1	1	1	2
110	Xã Cổ Lũng	2				1		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1					
111	Xã Điền Lư	8						6	6	6	7	7	6	6	6	7	7	3	3	3	3	4	1	1	1	1	2
112	Xã Pù Luông	3			1			2	2	2	2	3	2	2	2	2	3	1	1	1	1	1			1	1	1
113	Xã Quý Lương	2						1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1					

[illegible]

[illegible]

	Xã	Số lượng HTX đang HĐ năm 2025	HTX thành lập mới					HTX hoạt động có hiệu quả					HTX thực hiện liên kết sản xuất					HTX ứng dụng công nghệ cao					Số HTX gắn với sản phẩm OCOP				
			2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
160	Xã Thường Xuân	13				1		12	12	12	13	13	12	12	12	13	13	4	4	4	5	5	2	2	2	3	4
161	Xã Luận Thành	5	1					5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2
162	Xã Tân Thành	3			1			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	1	1	1	1					
163	Xã Thắng Lợi	2						2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
164	Xã Yên Nhân	1				1		0				1	0				1										
165	Xã Lương Sơn	4				1		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2
166	Xã Xuân Chinh	2	1					1	1	2	2	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1				1	1
Tổng			16	16	16	16	16	658	676	692	729	777	658	676	692	729	777	277	306	315	331	353	108	122	138	152	172

Phụ lục 1b: Chỉ tiêu phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, giai đoạn 2026 - 2030

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
1	Xã Hoàng Sơn	3	3	3	3	3		1	1	2	2	3	4	4	4	5					1	40	40	45	45	45
2	Xã Hoàng Hóa	5	5	5	6	6	2	2	2	2	2	5	6	7	7	9	1	1	2	2	2	100	100	110	110	120
3	Xã Hoàng Lộc	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3	3	5	5	6	2	2	2	2	2	110	120	130	130	130
4	Xã Hoàng Giang	3	3	3	3	4	2	2	3	3	3	4	5	6	6	6	2	2	2	2	2	50	113	55	55	60
5	Xã Hoàng Phú	2	2	2	2	2						3	3	5	5	5						42	42	45	45	50
6	Xã Hoàng Châu	5	6	6	6	6						6	7	9	9	10						95	95	100	105	110
7	Xã Hoàng Tiến	2	2	2	2	2			1	1	1	3	4	4	4	5	4	4	4	4	4	63	25	25	25	28
8	Xã Hoàng Thanh	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						20	22	54	22	25
9	Xã Cẩm Thủy	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	25	27	29	29	42
10	Xã Cẩm Thạch	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	75	75	80	85	90
11	Xã Cẩm Tú	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	75	75	80	85	85
12	Xã Cẩm Vân	1	1	1	1	1			1	1	1	3	4	4	4	5			1	1	1	20	20	22	22	25
13	Xã Cẩm Tân	1	1	1	1	1		1	1	1	1	2	2	3	3	3		1	1	1	1	12	12	15	15	15
14	Xã Quý Lộc	1	1	1	1	2						2	2	3	3	3	1	1	1	1	1	115	115	122	125	125
15	Xã Yên Định	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	4	5	6	6	6	2	2	2	2	2	35	35	40	40	40
16	Xã Yên Trường	2	2	2	2	2						5	6	7	7	8	1	1	1	1	1	125	125	135	135	135
17	Xã Yên Phú	1	1	1	1	2	1		1			1	2	2	2	3	1	1	1	1	1	115	90	105	110	115
18	Xã Yên Ninh	2	2	2	2	2	3	3	5	5	5	2	2	3	3	3	2	3	3	5	5	220	225	230	235	240
19	Xã Định Tân	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	135	135	145	145	145

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
20	Xã Định Hoà	2	2	2	2	2						3	4	4	4	5						125	125	135	140	140
21	P. Nguyệt Viên												1	1	1	1						35	35	40	40	58
22	Xã Thanh Kỳ													1	1	1						18	18	18	25	25
23	Xã Giao An				1	1				1	1				1	1					1	20	22	41	22	25
24	Xã Linh Sơn													1	1	1						10	10	10	10	51
25	Xã Văn Phú				1	1				1	1					1					1	15	15	15	15	15
26	Xã Yên Khương														1	1						12	12	12	17	17
27	Xã Yên Thắng													1	1	1						10	62	10	11	11
28	Xã Đồng Lương															1						20	22	22	22	25
29	Xã Phú Xuân	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						10	10	10	11	11
30	Xã Nam Xuân														1	1						12	12	53	13	13
31	Xã Hối Xuân														1	2						31	31	33	34	34
32	Xã Phú Lệ					1					1				1	1						16	16	17	17	17
33	Xã Trung Thành													1	1	1						11	11	12	12	12
34	Xã Nga Sơn	2	4	4	4	5		1	1	1	1	4	4	5	5	6					1	39	39	42	42	42
35	Xã Nga Thắng	3	3	3	3	4		1	1	2	2	3	3	3	3	3		1	1	1	2	75	75	80	85	90
36	Xã Nga An	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	20	20	21	21	44
37	Xã Ba Đình	1	1	1	1	1						3	4	4	4	4						45	45	48	50	50
38	Xã Tân Tiến	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	52	10	10	10	10
39	Xã Trung Sơn	1	1	1	1	1						1	1		1	1						75	75	80	85	90
40	Xã Hiền Kiệt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		1	1	1	1	17	17	18	18	18

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
41	Xã Thiên Phú													1	1							16	16	17	17	17
42	Xã Hồ Vương	1	1	1	1	1						2	2	3	3	3						40	43	77	45	45
43	Xã Xuân Du	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2					1	16	57	17	17	17
44	Xã Như Thanh				1	1					1	3	3	4	4	5					1	10	10	11	11	11
45	Xuân Thái	1	1	1	1	1						1	1	1	1	2						10	10	11	11	11
46	Xã Mậu Lâm	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	15	15	16	16	16
47	Xã Yên Thọ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	4	4	5	5						7	7	7	7	7
48	Xã Các Sơn														1	1	1	1	2	2	2	3	3	3	3	3
49	Phường Trúc Lâm											1	1	1	1	1						16	16	17	17	17
50	Phường Nghi Sơn																									
51	Phường Đào Duy Từ						1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						15	15	16	16	16
52	Xã Trường Lâm					1									1	1						20	20	21	21	21
53	Phường Hải Bình	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						20	20	21	21	21
54	Xã Nông Công	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						125	125	135	135	135
55	Xã Tượng Lĩnh	1	1	1	1	1	1	2	3	4	4	1	1	1	1	1						20	20	21	21	21
56	Xã Công Chính	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						65	65	70	70	70
57	Xã Trung Chính	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3		1	1	2	2	75	75	76	78	78
58	Xã Thăng Bình	1	1	1	1	1						1	1	1	1	2						41	41	44	45	45
59	Xã Thăng Lợi	1	1	1	1	1						1	1	1	1	2						50	50	54	54	54
60	Xã Tường Văn	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	3	3	3						32	32	34	35	35

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
61	P. Hạc Thành																					0	0	0	0	0
62	P. Quảng Phú	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2						9	9	10	10	10
63	P. Đông Tiến	2	2	2	2	2						5	6	7	9	10						86	86	93	94	94
64	Xã Thiệu Hóa	2	2	3	4	5						5	6	7	8	8	3	4	4	5	5	136	136	146	148	148
65	Xã Thiệu Quang	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2	2	3	3	3						20	20	22	22	22
66	Xã Thiệu Tiến	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	3						42	42	45	46	46
67	Xã Thiệu Toán	3	3	3	3	3		1	1	2	2	3	3	3	3	3					1	53	53	56	57	57
68	Xã Thiệu Trung	1	1	1	1	2						3	4	4	4	5						41	41	44	45	45
69	Xã Thọ Bình	3	3	3	3	4	1	1	1	1	1	3	4	4	4	5	2	2	2	2	2	54	23	24	25	25
70	Xã Triệu Sơn	4	4	4	4	4						4	4	5	5	6						42	42	45	46	46
71	Xã Thọ Ngọc	4	4	4	5	5	1	1	1	1	1	4	5	6	6	6						105	105	113	115	115
72	Xã Thọ Phú	2	2	3	3	3						2	2	3	3	3						118	81	87	88	88
73	Xã Hợp Tiến	2	2	2	2	2						3	4	4	5	6						10	10	11	11	11
74	Xã An Nông	2	2	2	2	2						2	3	3	3	3						40	40	43	44	44
75	Xã Tân Ninh	2	2	2	2	2						2	3	3	3	3						42	42	45	46	46
76	Xã Đồng Tiến	1	1	1	1	1	2	3	3	3	3	1	1	2	2	2	2	2	2	3	3	51	51	54	55	55
77	Xã Ngọc Lặc	2	2	3	3	3	6	6	7	7	8	2	3	2	2	2	19	20	20	22	22	36	36	38	39	39
78	Xã Thạch Lập	4	4	4	5	5	1	1	2	2	2	4	5	2	2	2					1	24	24	26	68	27
79	Xã Ngọc Liên	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2						47	47	51	51	51
80	Xã Minh Sơn	2	2	2	2	2	6	6	7	7	7	2	2	2	2	2	5	6	6	6	6	24	24	26	27	27
81	Xã Nguyệt Ân	1	1	1	1	2	3	3	3	3	4	1	2	2	2	2		2	2	4	4	40	40	43	44	44

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
82	Xã Kiên Thọ	1	1	1	1	2	6	6	7	8	9	1	2	2	2	2	2	2	2	3	4	40	40	43	43	43
83	P. Hàm Rồng	4	4	4	5	5					1	4	4	4	4	4						54	54	58	59	59
84	Xã Hà Trung	1	1	1	1	1						1	1	1	1	2						15	17	18	50	18
85	Xã Hà Long	1	1	1	1	2						1	2	2	2	2						14	14	15	15	15
86	Xã Lĩnh Toại	2	2	2	2	2						2	2	2	2	3						9	9	10	10	10
87	Xã Hoạt Giang	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2						23	23	24	25	25
88	Xã Tống Sơn	1	1	1	1	1	1					3	4	4	4	5						224	224	240	244	244
89	Xã Vĩnh Lộc	3	3	3	3	4	1	1	2	2	3	5	6	6	6	6	1	1	1	1	1	202	202	217	220	220
90	Xã Tây Đô	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3	4	4	5	6	3	4	5	6	7	77	77	83	113	84
91	Xã Biện Thượng	1	1	1	1	1	2	2	3	3	4	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2	322	322	345	351	351
92	Xã Thanh Quân	1	1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	2	2	2	2			1	1	1	23	23	24	25	62
93	Xã Thượng Ninh	1	1	1	1	2	9	9	9	9	9	1	2	2	2	2	9	9	9	9	9	63	63	68	69	69
94	Xã Hóa Quý	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	4	4	4	74	74	79	81	81
95	Xã Xuân Bình	3	3	3	3	4						3	4	4	4	5						69	69	74	75	75
96	Xã Thanh Phong	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2						21	21	23	54	23
97	Xã Như Xuân	3	3	3	3	4						3	4	4	4	5						85	85	90	90	95
98	P. Đông Quang	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						65	65	70	75	75
99	Phường Đông Sơn	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						70	70	75	76	76
100	Phường Bim Sơn	3	3	3	3	4	1	1	1	1	1	3	4	4	4	5	1	1	1	1	1	30	30	35	35	35
101	P. Quang Trung	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						15	17	18	18	18
102	Phường Sầm Sơn	1	1	1	1	2						1	2	2	2	2						16	16	17	20	20

TT	Xã	Số HTX NNáp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NNcó ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
103	P. Nam Sầm Sơn	3	3	3	3	4						3	4	4	4	5						13	13	15	15	15
104	Xã Điền Quang	2	2	2	2	2			1	1	1	2	2	2	3	3						15	15	15	15	15
105	Xã Bá Thước	1	1	1	1	1		1			1	2	2	3	3	3			1		1	9	9	10	10	10
106	Xã Cỏ Lũng				1	1						1	1	1	2	2						12	12	12	12	12
107	Xã Điền Lư	1	1	1	1	1		1	1	1	1	3	4	4	4	5						15	15	15	18	18
108	Xã Pù Luông	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						16	16	17	20	20
109	Xã Quý Lương	1	1	1	1	2			1		1	1	2	2	2	2						11	11	11	11	11
110	Xã Thiết Ống	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						13	13	13	13	13
111	Xã Văn Nho	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						15	17	18	18	18
112	Xã Hoa Lộc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	4	4	4	5	1	1	1	1	1	165	270	285	290	295
113	Xã Đông Thành	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						126	126	135	140	145
114	Xã Triệu Lộc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2						60	60	65	70	75
115	Xã Vạn Lộc	1	1	1	1	1						1	1	2	2	2						145	145	160	160	165
116	Xã Hậu Lộc	2	2	2	2	2						2	2	2	2	3						200	200	220	220	225
117	Xã Xuân Tín	1	1	1	1	2						1	2	2	2	2						49	49	52	53	53
118	Xã Sao Vàng	1	1	1	1	1						1	1	1	2	2						10	10	10	10	10
119	Xã Thọ Long	2	2	2	2	2						2	2	2	2	3						35	35	40	40	40
120	Xã Thọ Lập	2	2	2	2	2			1			2	2	2	2	2						11	13	14	14	15
121	Xã Thọ Xuân	1	1	1	1	2						2	2	2	2	3						20	21	25	25	25
122	Xã Lam Sơn	2	2	2	2	2						2	2	2	2	3						25	25	29	29	29
123	Xã Xuân Hòa	2	2	3	3	3						2	2	2	2	2						20	20	20	20	20

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
124	Xã Xuân Lập	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	40	40	45	50	50
125	Xã Tam Thanh	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						49	49	52	53	53
126	Xã Sơn Điện	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						12	12	12	12	12
127	Xã Mường Mìn	2	2	2	2	2						2	2	2	2	2						13	13	13	13	13
128	Xã Sơn Thủy	3	3	3	3	4						3	4	4	4	5						20	21	25	25	25
129	Xã Na Mèo																					21	21	22	23	23
130	Xã Trung Hạ	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						17	17	17	17	17
131	Xã Quan Sơn										1										1	11	13	14	14	15
132	Xã Tam Lư											1	1	1	1	2						14	14	14	14	14
133	Xã Thạch Quảng			1	1	1								1	1	1						55	55	60	60	65
134	Xã Thạch Bình	1	1	2	2	2	1	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	450	450	495	502	502
135	Xã Thành Vinh	1	1	1	1	1			4	4	4	1	1	1	1	1				2	2	180	180	193	196	196
136	Xã Văn Du	1	1	1	2	2						1	1	1	1	2						104	104	112	114	114
137	Xã Ngọc Trạo	1	1	1	1	2						1	2	1	1	1						21	21	22	23	23
138	Xã Kim Tân	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	3	3	3			1	1	1	14	14	15	15	15
139	Xã Lưu vệ	2	2	2	2	2					1	1	1	1	2	2				1	1	8	8	8	8	8
140	Xã Quảng Yên	1	1	1	1	1					1	1	1	1	1	2	4	4	4	4	4	9	9	15	15	15
141	Xã Quảng Ngọc	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	10	10	15	15	15
142	Xã Quảng Ninh	2	2	2	2	2						2	2	3	3	3						55	55	60	60	65
143	Xã Quảng Bình	1	1	1	1	2	2	2	2	2	3	2	2	4	4	4						16	16	20	20	20
144	Xã Tiên Trang	1	1	1	1	2						1	1	1	1	2					1	11	11	12	12	12

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
145	Xã Quảng Chính	2	2	3	3	3	1	1	2	2	2	3	3	4	4	4	1			2	2	10	10	10	10	10
146	Xã Pù Nhi	1	1	1	1	2						1	1	1	1	1						15	15	15	15	15
147	Xã Mường Lý	2	2	2	2	2			1			2	2	2	2	2					1	16	16	20	20	20
148	Xã Trung Lý					1										1										
149	Xã Mường Chanh	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	11	15	20	25	30
150	Xã Tam Chung																									11
151	Xã Nhi Sơn											1	1	1	1	1										13
152	Xã Mường Lát	1	1	1	1	1							0	0	0	1						16	16	23	23	23
153	Xã Quang Chiêu						1	1	1	1	1					1	2	2	2	2	2	17	17	17	23	23
154	Xã Bát Mọt															1						10	13	13	13	13
155	Xã Vạn Xuân						1	1	1	1	1					1				1	1	10	10	12	12	15
156	Xã Thường Xuân	1	1	1	1	1			1	1	1	6	7	9	9	10	3	3	4	4	4	16	16	20	20	20
157	Xã Luận Thành	1	1	1	1	1						3	4	4	4	6						17	17	18	18	18
158	Xã Tân Thành				1	1		1	1	1	1		1	1	2	2	1	2	2	2	2	10	10	15	15	15
159	Xã Thắng Lộc				1	1	1	1	1	1	1			1	1	1						15	15	18	18	18
160	Xã Yên Nhân	4	4	4	5	5						3	3	4	4	4						13	13	14	18	18
161	Xã Lương Sơn	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	3	4	4	4	1	1	1	1	1	15	15	16	16	16
162	Xã Xuân Chinh	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						10	12	15	15	15
163	Phường Ngọc Sơn	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						25	25	25	30	30
164	Phường Tân Dân															1						15	15	20	20	20
165	Phường Hải Lĩnh	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						16	16	16	25	25

TT	Xã	Số HTX NN áp dụng biện pháp thực hành nông nghiệp tốt (GAP)					Số HTX NN tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ					Số HTX NN có ứng dụng chuyển đổi số trong HTX					Số MH HTX NN ứng dụng CNC có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị được nhân rộng					Số thành viên thu hút tham gia HTX NN				
		2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030	2026	2027	2028	2029	2030
166	Phường Tĩnh Gia	1	1	1	1	1						1	1	1	1	1						25	25	30	30	30
Tổng		213	234	241	258	278	85	95	121	125	141	275	327	382	404	458	100	112	123	139	156	7,659	7,793	8,371	8,566	8,704

Phụ lục 2a: Dự kiến kinh phí hỗ trợ phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, giai đoạn 2026 – 2030

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Số HTX/TV HTX được hỗ trợ	Tổng số	Trong đó:			Ghi chú
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	HTX đối ứng	
	Tổng cộng		570.082,4	394.357,4	108.900	66.825	
1	Phát triển nguồn nhân lực	3.473	13.197,4	13.197,4			
-	Bồi dưỡng thành viên, người lao động HTX (6 thành viên/HTX * 50% số HTX)	2.643	10.043,4	10.043,4			
-	Bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về HTX (83 người/lớp x 2 lớp/năm x 5 năm)	830	3.154	3.154			
2	Nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả	920	2.760	2.760			
3	Hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường	88	22.000	22.000			
4	Đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị	132	396.000	356.400		39.600	
5	Xây dựng mô hình	132	136.125		108.900	27.225	

Phụ lục 2b: Chi tiết dự kiến kinh phí hỗ trợ phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
				Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác
	Tổng kinh phí		112.145,3	98.982,8	13.162,5	112.232,7	99.070,2	13.162,5	112.547,3	99.384,8	13.162,5	116.578,6	102.909,8	13.668,8	116.578,6	102.909,8	13.668,8
1	Phát triển nguồn nhân lực		2.530,8	2.530,8		2.618,2	2.618,2		2.682,8	2.682,8		2.682,8	2.682,8		2.682,8	2.682,8	
	Tổng số người tham gia	Người	666			689			706			706			706		
	- Cán bộ quản lý, thành viên HTX	Người	500			523			540			540			540		
	- Cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực HTX		166			166			166			166			166		
	- Tổng kinh phí	Triệu đồng	2.530,8	2.530,8		2.618,2	2.618,2		2.682,8	2.682,8		2.682,8	2.682,8		2.682,8	2.682,8	
	<i>Trong đó</i>																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Triệu đồng	2.530,8	2.530,8		2.618,2	2.618,2		2.682,8	2.682,8		2.682,8	2.682,8		2.682,8	2.682,8	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Triệu đồng															
2	Nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả		552	552		552	552		552	552		552	552		552	552	
	- Số hợp tác xã hỗ trợ	HTX	176			176			176			176			176		
	- Số thành viên tham gia	Người	184			184			184			184			184		
	Thành viên HTX	Người	176			176			176			176			176		
	Cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về HTX	Người	8			8			8			8			8		

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
				Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác
	- Tổng kinh phí	Triệu đồng	552	552		552	552		552	552		552	552		552	552	
	Trong đó																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Triệu đồng	552	552		552	552		552	552		552	552		552	552	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Triệu đồng															
3	Hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường		4.250	4.250		4.250	4.250		4.500	4.500		4.500	4.500		4.500	4.500	
	- Số HTX được hỗ trợ	HTX	17			17			18			18			18		
	- Tổng kinh phí	Triệu đồng	4.250	4.250		4.250	4.250		4.500	4.500		4.500	4.500		4.500	4.500	
	Trong đó																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Triệu đồng		4.250			4.250			4.500			4.500			4.500	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Triệu đồng															
4	Đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị.		78.000	70.200	7.800	78.000	70.200	7.800	78.000	70.200	7.800	81.000	72.900	8.100	81.000	72.900	8.100
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	26			26			26			27			27		
	- Tổng kinh phí	Triệu đồng	78.000	70.200	7.800	78.000	70.200	7.800	78.000	70.200	7.800	81.000	72.900	8.100	81.000	72.900	8.100
	Trong đó																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Triệu đồng		70.200	7.800		70.200	7.800		70.200	7.800		72.900	8.100		72.900	8.100
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Triệu đồng															
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX		26.812,5	21.450	5.362,5	26.812,5	21.450	5.362,5	26.812,5	21.450	5.362,5	27.843,8	22.275	5.568,8	27.843,8	22.275	5.568,8
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	26			26			26			27			27		

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
				Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác		Nguồn NSNN	Nguồn vốn khác
	- Tổng kinh phí	Triệu đồng	26.812,5	21.450	5.362,5	26.812,5	21.450	5.362,5	26.812,5	21.450	5.362,5	27.843,8	22.275	5.569	27.843,8	22.275	5.569
	Trong đó																
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Triệu đồng															
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Triệu đồng		21.450	5.362,5		21.450	5.362,5		21.450	5.362,5		22.275	5.569		22.275	5.569